



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quốc Dũng	Chủ tịch
Bà Tô Linh Hương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 21/6/2011)
Ông Lê Minh Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Phan Đình Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Long	Ủy viên
Ông Bùi Anh Ninh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Đình Phong	Tổng Giám đốc
Ông Phí Mạnh Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/7/2012)
Ông Võ Trí Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Ninh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ báo cáo. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đòi hỏi Ban Giám đốc của Công ty phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Số: 136/2012/AP - BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG VIỆC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 24 (sau đây gọi tắt là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ) - Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán và soát xét dạng chấp nhận toàn phần.

Cơ sở soát xét

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kiểm toán khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thương
Phó Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV



Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1687/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.036.297.592.990	1.029.942.805.838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.788.679.326	23.715.343.861
1. Tiền	111		8.788.679.326	15.343.343.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.372.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	49.702.346.480	95.804.894.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		49.982.346.480	96.664.894.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(280.000.000)	(860.000.000)
II. Các khoản phải thu	130		444.332.939.963	471.906.227.381
1. Phải thu của khách hàng	131		223.565.165.685	259.110.413.595
2. Trả trước cho người bán	132		162.388.019.162	187.930.663.688
3. Các khoản phải thu khác	135		58.885.809.338	25.382.902.889
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(506.054.222)	(517.752.791)
III. Hàng tồn kho	140	6	462.776.989.921	402.054.411.986
1. Hàng tồn kho	141		462.826.831.827	402.104.253.892
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(49.841.906)	(49.841.906)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.696.637.300	36.461.928.010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.360.182.272	2.974.562.464
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.944.454.290	15.380.370.143
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		51.392.000.738	18.106.995.403
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		400.520.451.606	363.538.778.565
I. Tài sản cố định	220		82.554.776.057	86.686.428.727
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	78.451.798.729	83.482.730.598
- Nguyên giá	222		115.670.591.448	114.196.973.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.218.792.719)	(30.714.243.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227		30.129.114	37.110.495
- Nguyên giá	228		111.600.000	105.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.470.886)	(68.489.505)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.072.848.214	3.166.587.634
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		209.186.089.102	161.186.089.102
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.100.000.000	2.100.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	8	207.086.089.102	159.086.089.102
III. Tài sản dài hạn khác	260		108.779.586.447	115.666.260.736
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	107.511.789.654	113.953.902.058
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.062.106.103	1.506.667.988
3. Tài sản dài hạn khác	268		205.690.690	205.690.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.436.818.044.596	1.393.481.584.403

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.108.515.881.736	1.033.123.121.160
I. Nợ ngắn hạn	310		911.188.334.176	831.047.054.512
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	367.981.026.853	345.350.801.060
2. Phải trả cho người bán	312		250.355.201.771	262.586.629.209
3. Người mua trả tiền trước	313		208.955.901.124	167.166.036.856
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	23.511.015.725	18.564.234.016
5. Phải trả người lao động	315		8.927.893.527	7.759.518.813
6. Chi phí phải trả	316		7.794.703.796	3.699.510.290
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	42.611.721.362	24.964.077.776
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		84.186.031	84.186.031
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		966.683.987	872.060.461
II. Nợ dài hạn	330		197.327.547.560	202.076.066.648
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	22.310.457.736	24.616.953.606
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		140.361.357	128.676.081
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	15	94.876.728.467	97.330.436.961
B. NGUỒN VỐN	400		293.906.472.582	325.008.441.232
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	293.906.472.582	325.008.441.232
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	15.069.800.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.995.348.054	2.840.688.215
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		219.501.631	93.621.640
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.305.089.470	1.123.204.630
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(26.683.266.573)	5.881.126.747
C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỎ	439		34.395.690.278	35.350.022.011
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.436.818.044.596	1.393.481.584.403



Vũ Thị Xuân
Người lập



Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	173.696.989.227	283.400.891.133
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		173.696.989.227	283.400.891.133
4. Giá vốn hàng bán	11		161.660.466.083	244.006.096.298
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		12.036.523.144	39.394.794.835
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.813.918.121	8.023.169.468
7. Chi phí tài chính	22		30.935.299.159	23.415.273.755
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.515.299.159	22.861.126.062
8. Chi phí bán hàng	24		1.276.103.554	455.124.789
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	22.186.516.780	18.144.446.679
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(35.547.478.228)	5.403.119.080
11. Thu nhập khác	31		2.067.240.717	2.462.095.467
12. Chi phí khác	32		297.569.184	2.612.537.707
13. Lợi nhuận khác	40		1.769.671.533	(150.442.240)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(33.777.806.695)	5.252.676.840
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		423.199.506	1.869.209.977
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(444.377.693)	(318.136.254)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(33.756.628.508)	3.701.603.117
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		(311.314.839)	260.043.952
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		(33.445.313.669)	3.441.559.165
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	(1.115)	269

Vũ Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng

Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(33.777.806.695)	5.252.676.840
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.544.631.609	4.636.135.633
- Hoàn nhập các khoản dự phòng	03	(786.054.222)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.794.352.028)	(8.969.908.004)
- Chi phí lãi vay	06	31.515.299.159	22.861.126.062
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	(3.298.282.177)	23.780.030.531
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.070.988.037)	(74.649.146.861)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(60.722.577.935)	(115.798.692.748)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không gồm lãi vay, thuế TNDN)	11	41.453.344.248	(15.818.982.565)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.802.294.676	(22.291.974.617)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.948.568.013)	(22.861.126.062)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.631.662.953)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(306.335.384)	(362.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.091.112.622)	(229.634.155.275)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.432.545.032)	(50.378.482.088)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	2.386.022.444
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(121.205.250.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.813.918.121	4.333.930.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.381.373.089	(164.863.778.924)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	265.069.800.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	281.294.789.662	326.723.753.656
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(259.511.714.664)	(188.119.361.672)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.152.818.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.783.074.998	400.521.373.984
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14.926.664.535)	6.023.439.785
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	23.715.343.861	69.467.894.891
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	8.788.679.326	75.491.334.676

Vũ Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng

Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC ("Công ty") là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015409 ngày 15/1/2007. Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất ngày 27/7/2011. Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 300 tỷ đồng.

Công ty có các Công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Vật liệu PVV;
- Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV;
- Công ty Cổ phần Kiến trúc Vina - Petro;
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành;
- Công ty Cổ phần khai thác đá Thừa Thiên Huế.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC đặt tại Tầng 12, tòa nhà HH2 khu đô thị Mỹ Trì Hạ, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2012 là 1.008 người (tại ngày 31/12/2011 là 1.212 người).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất các công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư vật liệu ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh nhà hàng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt nam và các quy định hiện hành được chấp nhận tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu công nợ, tài sản và việc trình bày những khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo tài chính phải được báo cáo và khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Thuyết minh về Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư có hiệu lực áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính từ năm 2011. Ban Giám đốc đã trình bày Thuyết minh về Công cụ tài chính tại Thuyết minh số 20 kèm theo. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày số liệu đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hiện tại.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các Quyết định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại. Giá gốc được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng, chi phí phân phối sản phẩm đã phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến quá trình đưa tài sản vào vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự sản xuất hoặc tự xây dựng là chi phí sản xuất, xây dựng cộng với chi phí cho việc lắp đặt và chi phí chạy thử (nếu áp dụng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên ước tính thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng trả trước; giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ 1 năm trở lên; chi phí trả trước để được chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex theo hợp đồng Li-xăng ký giữa hai bên.

Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng tại Tầng 12 - Tòa nhà Vinaconex 9 - đường Phạm Hùng - Từ Liêm - Hà Nội được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh tương ứng với thời hạn thuê 46 năm.

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí trả trước để nhận chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ phù hợp với thời gian chuyển giao theo hợp đồng là 20 năm.

Chi phí trả trước của Công trình Tạp chí Cộng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian phân bổ doanh thu khai thác công trình trong thời gian 20 năm.

Ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận dựa trên tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán về Hợp đồng xây dựng (được trình bày chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và thông báo lãi của ngân hàng. Lãi từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi các chi phí này phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% lợi nhuận thu được.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định số thuế phải nộp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.797.369.485	313.181.913
Tiền gửi ngân hàng	4.991.309.841	15.030.161.948
Các khoản tương đương tiền	-	8.372.000.000
Cộng	<u>8.788.679.326</u>	<u>23.715.343.861</u>

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30/6/2012 là bao gồm khoản ủy thác vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí với số tiền 22.000.000.000 đồng và ủy thác cho Ngân hàng TMCP Đại Dương đầu tư 200.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam với số tiền 2.200.000.000 đồng và một số khoản đầu tư ngắn hạn khác.

6. Hàng tồn kho

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.076.414.979	24.333.708.519
Công cụ, dụng cụ	540.308.040	2.273.759.397
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	407.741.577.475	355.345.622.811
Thành phẩm	943.851.860	1.622.052.003
Hàng hóa	17.404.145.389	18.493.733.847
Hàng gửi bán	120.534.084	35.377.315
Cộng	<u>462.826.831.827</u>	<u>402.104.253.892</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.841.906)	(49.841.906)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>462.776.989.921</u>	<u>402.054.411.986</u>

Số dư hàng hóa phản ánh giá mua các căn hộ chung cư HH2 - Khu Lê Văn Lương Residentials - Khu đô thị mới Dương Nội - Hà Đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

Tầng 12 - Tòa nhà Vinaconex 9 - Đường Phạm Hùng
Huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	3.698.618.352	94.706.169.926	10.953.164.525	1.934.480.931	2.904.539.929	114.196.973.663
Tăng trong kỳ	-	152.181.817	1.232.014.545	99.599.000	36.489.090	1.520.284.452
Thanh lý	46.666.667	-	-	-	-	46.666.667
Tại 30/6/2012	3.651.951.685	94.858.351.743	12.185.179.070	2.034.079.931	2.941.029.019	115.670.591.448
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại 01/01/2012	2.990.085.280	23.020.601.747	2.168.314.511	935.221.426	1.600.020.101	30.714.243.065
Khấu hao trong kỳ	430.846.722	4.820.617.867	1.000.875.106	212.475.701	66.834.832	6.531.650.228
Giảm trong kỳ	27.100.574	-	-	-	-	27.100.574
Tại 30/6/2012	3.393.831.428	27.841.219.614	3.169.189.617	1.147.697.127	1.666.854.933	37.218.792.719
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	708.533.072	71.685.568.179	8.784.850.014	999.259.505	1.304.519.828	83.482.730.598
Tại 30/6/2012	258.120.257	67.017.132.129	9.015.989.453	886.382.804	1.274.174.086	78.451.798.729

Một số máy móc, thiết bị của Công ty với Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 51.073.248.318 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng trong nước (xem thuyết minh số 15).

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 6.804.238.042 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 363.159.697 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Thành phố Xanh (i)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO (ii)	101.926.729.102	101.926.729.102
Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T (iii)	85.000.000.000	15.000.000.000
Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (iv)	-	22.000.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	159.360.000	159.360.000
Cộng	207.086.089.102	159.086.089.102

- (i) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Thành phố Xanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư dự án khu nhà ở chung cư tại Phường Phú Hữu, Quận 9 - Thành Phố Hồ Chí Minh - Sunflower City. Theo đó, Công ty sẽ nắm giữ 51% quyền sở hữu trong dự án sau khi góp đủ vốn theo tiến độ Hợp đồng (tương đương khoản 5.992.500 Đô-la Mỹ). Dự án đang trong giai đoạn xin cấp Giấy phép Đầu tư.
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO để đầu tư Dự án “ Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu Đô thị Nam An Khánh - Hà Nội, thuộc lô HH3 của Dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, Huyện Hoài Đức - Hà Nội. Theo đó phần vốn góp của Công ty tương ứng 20% giá trị vốn góp của Dự án. Mặc dù Dự án được triển khai chậm hơn so với tiến độ qui định trong hợp đồng do nguyên nhân khách quan, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị và vì vậy không phải trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.
- (iii) Bao gồm: Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T tương ứng 8% Vốn Điều lệ, tương đương 1.500.000 cổ phiếu, với giá trị 15.000.000.000 đồng; và khoản ủy thác vốn đầu tư cho Công ty cổ phần đầu tư F.I.T với số tiền 70.000.000.000 đồng, Công ty hưởng lãi ủy thác cố định và không chia sẻ rủi ro (khoản ủy thác đầu tư này trước đây được theo dõi là khoản đầu tư ngắn hạn)
- (iv) Khoản ủy thác theo Hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 07/2011/UTQLV/PVFC-PVC giữa Công ty và Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam ký ngày 04 tháng 3 năm 2011. Hợp đồng ủy thác kéo dài 2 năm bắt đầu từ ngày 10 tháng 3 năm 2011, lợi tức nhận 3 tháng/ lần. Tại ngày 30/6/2012, khoản tiền ủy thác này đã được phân loại sang mục đầu tư tài chính ngắn hạn do sẽ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng tới.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	9.970.757.614	10.083.465.154
Chi phí mua công cụ, dụng cụ	15.543.101.926	15.521.892.951
Thương hiệu nhượng quyền Vinaconex	5.015.342.467	5.165.342.467
Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản	76.982.587.647	73.171.911.548
Chi phí dài hạn khác	-	10.011.289.938
Cộng	107.511.789.654	113.953.902.058

Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Tạp chí Cộng sản, theo đó hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh dưới hình thức Công ty thực hiện xây dựng tòa nhà tại vị trí Văn phòng Tạp chí Cộng sản phía Nam và được phép kinh doanh trong vòng 20 năm (sau khi bàn giao một tầng hầm và một lầu cho Tạp chí Cộng sản). Theo đó, sau khi công trình xây dựng hoàn thành, Công ty đã cho đối tác khác thuê lại với thời gian 20 năm và ghi nhận chi phí xây dựng tòa nhà là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 20 năm tương ứng với thời gian phân bổ doanh thu đã nhận trước và bắt đầu phân bổ từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (xem thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	355.292.730.154	329.283.451.469
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	180.235.718.767	166.541.237.761
Ngân hàng TMCP An Bình	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP VIB (ii)	88.859.490.674	92.460.721.342
Công ty cổ phần Đầu tư Thế kỷ	26.346.000.000	26.946.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	23.684.947.484	15.865.909.557
NH Đầu tư và phát triển VN	4.398.681.798	4.398.048.041
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	7.774.500.000	7.774.500.000
Vay cá nhân	16.993.391.431	12.597.034.768
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	700.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.688.296.699	16.067.349.591
Cộng	367.981.026.853	345.350.801.060

(i) Khoản vay Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 3 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 18/TDHM-BL-NH/TD10 ngày 10 tháng 03 năm 2011. Khoản tín dụng này với hạn mức là 280.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa không qua 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân
- Hợp đồng tín dụng số 10/TDĐT-TH/TTGHO12 ngày 22 tháng 03 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay là thực hiện thi công công trình dự án CT2A "Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ công an huyện Từ Liêm". Lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân
- Hợp đồng số 24/TDHM-BL-NH/TD11 ngày 21/03/2011. Hạn mức dư nợ tối đa theo hợp đồng là 13.650.000.000 đồng, số dư bảo lãnh tối đa là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay tối đa đối với mỗi khế ước vay là 04 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước vay.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Hội sở chính, theo Hợp đồng tín dụng số 2782/HDDTD2-VIB08/11 ngày 15 tháng 8 năm 2011 và các phụ lục kèm theo với hạn mức là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất vay do Ngân hàng qui định tại thời điểm giải ngân và được qui định trong Khế ước nhận nợ.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.036.195.101	9.480.974.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.221.953.236	7.096.403.875
Thuế thu nhập cá nhân	2.641.515.078	-
Thuế tài nguyên	507.803.430	259.364.617
Các khoản thuế khác, phí, lệ phí	103.548.880	1.727.490.850
Cộng	23.511.015.725	18.564.234.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. Các khoản phải trả khác, phải nộp khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.248.321.375	1.178.335.906
Bảo hiểm	4.041.603.305	2.195.483.437
Lãi vay	26.253.554.489	13.591.700.673
Cổ tức	4.967.980.000	4.617.980.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.100.262.193	3.380.577.760
Cộng	42.611.721.362	24.964.077.776

13. Phải trả dài hạn khác

Khoản tạm ứng vốn từ Ngân hàng TMCP Đại Dương theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty và Ngân hàng, kỳ hạn là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2010 với mục đích tài trợ cho Dự án xây dựng của Công ty.

14. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	3.900.659.368
Ngân hàng liên doanh Lào Việt	229.363.550	342.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	24.251.479.901	32.824.444.829
Ngân hàng TMCP VP Bank	728.400.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	208.000.000	1.294.600.000
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam	1.038.400.000	1.552.764.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (ii)	7.000.000.000	-
Ngân hàng Eximbank	1.326.176.270	389.250.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	216.934.714	380.585.000
Cộng	34.998.754.435	40.684.303.197
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>(12.688.296.699)</i>	<i>(16.067.349.591)</i>
Nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	22.310.457.736	24.616.953.606

(i) Các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng số 49/TDĐT-BL-TH/TD10 và 03/TDĐT-TH/TD10. Mục đích sử dụng vốn vay là thực hiện dự án đầu tư nâng cao năng lực máy công trình. Khoản tín dụng được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa lần lượt là 43.000.000.000 đồng và 23.800.280.000 đồng, thời hạn thanh toán tối đa lần lượt là 48 tháng và 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 49/TDĐT-BL-TH/TD10 có lãi suất thay đổi được thông báo tại thời điểm giải ngân. Lãi suất của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/TDĐT-TH/TD10 được xác định bằng lãi suất tham chiếu (+3,5%/năm) được giới hạn bởi lãi suất cho vay tối thiểu và tối đa theo qui định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được điều chỉnh 3 tháng/ lần. Lãi và gốc được thanh toán 3 tháng/ lần. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng vay số 1410-LAV 201200241/HĐTD ngày 26/6/2012 với gốc vay là 12.400.000.000 đồng, mục đích là tài trợ khoản đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Nhà máy chế biến gỗ ván ép tại Huyện Yên Mô, Ninh Bình. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất tiền vay là 18%/ năm và sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Vốn giải ngân đến ngày 30/6/2012 là 7.000.000.000 đồng, gốc vay sẽ được hoàn trả mỗi quý với số tiền 775.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại Tòa nhà Cơ quan thường trực Công trình Tập chí Cộng sản theo Hợp đồng số 03/PVFC-PVC VINACONEX ngày 10 tháng 12 năm 2010. Theo đó, Doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian cho thuê văn phòng của công trình là 20 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 (xem Thuyết minh số 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2011	50.000.000.000	-	128.288.578	205.261.725	-	13.357.147.483	63.690.697.786
Tăng vốn trong năm	250.000.000.000	15.069.800.000	-	-	-	-	265.069.800.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	620.505.937	620.505.937
Trích lập các quỹ	-	-	994.916.052	2.635.426.490	93.621.640	(4.906.123.515)	(1.182.159.333)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(190.403.158)	(190.403.158)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại 31/12/2011	300.000.000.000	15.069.800.000	1.123.204.630	2.840.688.215	93.621.640	5.881.126.747	325.008.441.232
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	(33.756.628.508)	(33.756.628.508)
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.839.833.595	4.839.833.595
Trích lập các quỹ	-	-	181.884.840	1.154.659.839	125.879.991	(3.389.598.407)	(1.927.173.737)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(258.000.000)	(258.000.000)
Tại 30/6/2012	300.000.000.000	15.069.800.000	1.305.089.470	3.995.348.054	219.501.631	(26.683.266.573)	293.906.472.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	99.280.509.184	31.982.915.828
Doanh thu hợp đồng xây dựng	74.416.480.043	251.417.975.305
Cộng	173.696.989.227	283.400.891.133
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	173.696.989.227	283.400.891.133

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.656.396.419	10.309.615.262
Chi phí vật liệu quản lý	451.234.709	602.323.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.339.908.734	1.088.804.398
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.118.955.645	724.686.449
Thuế, phí, lệ phí	647.914.784	783.865.018
Chi phí Dịch vụ mua ngoài	2.447.212.884	2.387.398.358
Chi phí bằng tiền khác	2.524.893.605	2.247.754.166
Cộng	22.186.516.780	18.144.446.679

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(33.445.313.669)	3.441.559.165
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	12.784.324
Giá trị suy giảm /Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.115)	269

20. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.921.189.888	16.633.501.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.030.235.889	220.383.168.526
Các khoản Đầu tư	93.920.000.000	93.340.000.000
Tài sản tài chính khác	13.636.272.710	13.636.272.719
Tổng cộng	304.507.698.487	343.992.942.358
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	356.315.488.415	331.749.829.640
Phải trả người bán và phải trả khác	164.720.075.126	220.159.078.769
Công nợ khác	94.876.728.467	97.596.235.431
Tổng cộng	615.912.292.008	649.505.143.840

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro tỷ giá ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất trên thị trường.

Quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND). Trong năm 2012, Công ty không có nhu cầu và giao dịch về ngoại tệ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất liên quan đến dòng tiền là rủi ro khi dòng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay hưởng lãi suất, các khoản đi vay chịu lãi suất đã được ký kết do các Hợp đồng vay vốn được qui định theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng chiến lược phân tích và dự báo thị trường, lựa chọn thời điểm và ngân hàng phù hợp, duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý Rủi ro về giá cả

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn (đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường). Hiện tại, Công ty chịu rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào nhóm cổ phiếu sẵn sàng để bán. Để quản lý được rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

này, Công ty áp dụng các biện pháp như: Tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức có thể chấp nhận được, đồng thời Công ty xác định các khoản đầu tư vào công cụ vốn khác sẽ được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong ngắn hạn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không để có biện pháp thu hồi công nợ cũng như đưa ra phương án dự phòng rủi ro phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	164.772.075.126	-	164.772.075.126
Phải trả khác	29.833.474.319	80.000.000.000	109.833.474.319
Các khoản vay	342.639.267.679	13.676.220.736	356.315.488.415
Tổng cộng	537.244.817.124	93.676.220.736	630.921.037.860
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	220.159.078.769	-	220.159.078.769
Phải trả khác	17.596.235.431	80.000.000.000	97.596.235.431
Các khoản vay	308.808.413.034	22.941.416.606	331.749.829.640
Tổng cộng	546.563.727.234	102.941.416.606	649.505.143.840

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	5.921.189.888	-	5.921.189.888
Phải thu khách hàng	172.797.817.955	-	172.797.817.955
Các khoản đầu tư	23.920.000.000	70.000.000.000	93.920.000.000
Phải thu khác	18.232.417.934	-	18.232.417.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản khác	13.636.272.710	-	13.636.272.710
	234.507.698.487	70.000.000.000	304.507.698.487
01/01/2012			
Tiền và tương đương tiền	16.633.501.113	-	16.633.501.113
Phải thu khách hàng	205.095.746.893	-	205.095.746.893
Các khoản đầu tư	71.340.000.000	22.000.000.000	93.340.000.000
Phải thu khác	15.287.421.633	-	15.287.421.633
Tài sản khác	13.636.272.719	-	13.636.272.719
	321.992.942.358	22.000.000.000	343.992.942.358

Đo lường theo giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty có thể khác biệt với giá trị hợp lý (theo giá thị trường).

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị Hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

21. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ hoạt động, Công ty có giao dịch và số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Bán hàng hóa - dịch vụ - xây lắp		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	14.377.020.348	47.729.793.403
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	11.086.498.763	7.787.184.089

Số dư với các bên liên quan

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	1.134.393.800	1.134.393.800
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	4.974.533.302	4.328.767.233
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	106.427.631.100	63.638.265.926
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	2.731.691.042	1.073.797.478

22. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có bất kỳ sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính kỳ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. Số liệu so sánh

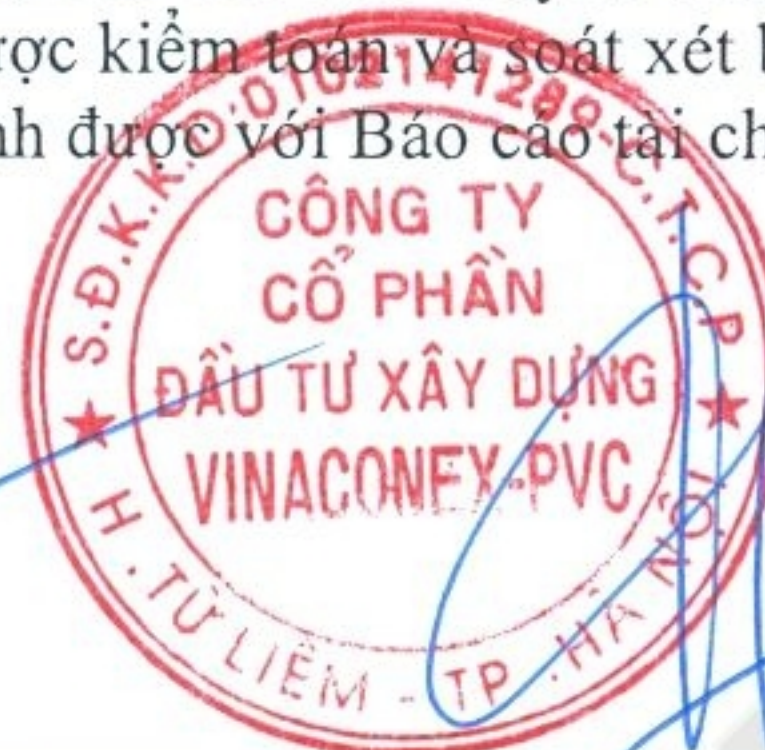
Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Công ty là số liệu Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên khác. Một số số liệu đã được phân loại lại để có thể so sánh được với Báo cáo tài chính kỳ hiện tại.



Vũ Thị Xuân
Người lập



Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012